TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh và ông Bùi Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2019 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thu T, sinh năm 1993

ĐKHK: Số nhà A, khu B, thị trấn Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang tạm trú tại: Khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Hoàng Xuân G, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà A, khu B, thị trấn Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(*Anh G vắng mặt lần thứ hai, chị T có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bằng bản tự khai, các đơn trình bày và trong buổi hòa giải, nguyên đơn chị Đỗ Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Xuân G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2017 tại UBND thị trấn Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T nghi ngờ lòng chung thủy của anh G, cho rằng anh G không tu chí chịu khó làm việc, bỏ mặc vợ con, dẫn đến việc hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, không có trách nhiệm với nhau. Mặc dù đã được bố mẹ hai bên hòa giải, nhắc nhở, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh G không thay đổi, không có hành động nào thể hiện muốn vun đắp tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia

đình với chị T. Anh chị ly thân từ tháng 5 năm 2018, từ đó đến nay không có quan hệ tình cảm với nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh G, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục chung sống cũng không đem lại kết quả mà chỉ gây đau khổ cho cả hai, chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Giang để chị sớm ổn định cuộc sống. Nếu Tòa án hòa giải để anh chị quay lại với nhau thì chị vẫn tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G có một con chung là Hoàng Đỗ Bảo A, sinh ngày 01/11/2017. Từ khi sinh ra đến nay chị là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Bảo A dưới 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ. Chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong bản tự khai ngày 18/10/2019, các buổi hòa giải, bị đơn anh Hoàng Xuân G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh G xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hai bên chưa xảy ra mâu thuẫn gì và chưa ly thân như chị T trình bày. Thời gian chung sống anh đã chăm sóc hai mẹ con chị T chu đáo. Sau đó anh lên nhà bố mẹ đẻ chị T làm nhưng không phù hợp nên đã về quê làm việc. Từ ngày về huyện Thái Thụy làm đến nay, anh vẫn thường xuyên gọi điện, nhắn tin hỏi thăm mẹ con chị T. Ngoài ra việc chị T cho rằng anh không tu chí làm việc, nghi ngờ lòng chung thủy của anh là không chính xác. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh mong muốn được hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý nhưng phải thỏa thuận cụ thể về việc chăm sóc thăm nom con cái.

Về con chung: Anh chị có một con chung như chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, anh đồng ý giao con chung Bảo A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên trong thời gian chị T nuôi con, chị T hay bất kì ai trong gia đình chị Trang không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con của anh G.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại đơn trình bày đề ngày 29/10/2019, ông Đỗ Xuân M và bà Nguyễn Thị T (là bố mẹ đẻ chị T) trình bày:

Trong thời gian chị T chung sống với anh G, ông bà nhận thấy anh G không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm, quan tâm đến vợ con. Anh G chị T đã ly thân từ tháng 5 năm 2018, từ đó đến nay chị T và cháu Bảo A sống chung với ông bà, không có chuyện anh G thường xuyên hỏi thăm mẹ con chị T. Ông bà nhận thấy cuộc sống

hôn nhân của anh G chị T không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị T để chị T sớm ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái.

Tại các Biên bản xác minh đề ngày 29/10/2019, đại diện khu A thị trấn Đ, huyện Thái Thụy, nơi anh chị đã từng chung sống cung cấp:

Qua phản ánh của các hộ gia đình xung quanh, anh G chị T thỉnh thoảng có lời qua tiếng lại, cãi chửi nhau. Sau khi sinh con được thời gian ngắn thì chị T đã chuyển đi nơi khác, anh chị không chung sống với nhau từ khoảng hơn một năm nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh G, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh G; giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung Hoàng Đỗ Bảo A. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết. Chị Trang phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh G đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thu T và anh Hoàng Xuân G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/01/2017 tại UBND thị trấn Đ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T nghi ngờ lòng chung thủy của anh G, cho rằng anh G không tu chí chịu khó làm việc, không quan tâm đến vợ con. Anh chị đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Chị T đề nghị không tiến hành hòa giải và cương quyết xin ly hôn anh G. Anh G không đồng ý ly hôn, nhưng anh cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh việc anh đã thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua xác

minh tại địa phương và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định việc chị T và anh G xảy ra mâu thuẫn là có thật, vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để chị T và anh G đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy con cái, tuy nhiên chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị cho rằng chị không còn tình cảm với anh G, nếu có tiếp tục cố gắng chung sống duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh G đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng. Nay chị T cương quyết xin được ly hôn anh G, cần xử cho chị T được ly hôn anh G là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh G có 01 con chung là cháu Hoàng Đỗ Bảo A, sinh ngày 01/11/2017, hiện tại chị T không mang thai. Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh Gi đồng ý việc chị T nuôi con nhưng anh yêu cầu trong thời gian chị Trang nuôi con, chị Trang hay bất kỳ ai trong gia đình chị T không được cản trở việc nuôi con của anh G. Xét thấy: Từ khi cháu Bảo A sinh ra đến thời điểm hiện tại, chị T đang trực tiếp nuôi con chung Bảo A. Do con Bảo A dưới 36 tháng tuổi, cần để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi, sự phát triển tốt nhất về mọi mặt của con chung vì trong giai đoạn đầu đời, trẻ em rất cần được sự chăm sóc tỉ mỉ, cẩn thận và trực tiếp nuôi dưỡng từ người mẹ. Điều này cũng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh G không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh G có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thu T được ly hôn anh Hoàng Xuân G.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Đỗ Bảo A, sinh ngày 01/11/2017. Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh G có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí biên lai số 0002008 ngày 10/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh